

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-7-2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lương Thùy Linh;
2. Bà Vi Thị Hòa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 6 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Tàng Thị Q, sinh năm 2000; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn S, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/5/2023, lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Tàng Thị Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 03/4/2018. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, không thể nói chuyện với nhau, không quan tâm nhau khiến cho tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần. Mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đều biết và

khuyên giải nhiều lần nhưng không thể hàn gắn được. Mâu thuẫn trầm trọng hơn và đến tháng 8 năm 2022 vợ chồng đã sống ly thân, chị Tăng Thị Q về nhà bố mẹ đẻ sống tại N, thị trấn N, huyện L, tỉnh Lạng Sơn, còn anh Hà Văn S và con sống cùng bố mẹ chồng tại Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Thời gian ly thân không ai có hành động gì hàn gắn tình cảm, không quan tâm nhau cũng không yêu thương nhau. Nay chị Tăng Thị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Văn S.

Về con chung: Vợ chồng chị Tăng Thị Q và anh Hà Văn S có 01 con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016. Hiện tại chị Tăng Thị Q đi làm công nhân ở tỉnh Hải Dương, thu nhập bình quân khoảng 5.000.000 đồng/tháng, đang thuê trọ nên không đủ điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Khi ly hôn chị Tăng Thị Q yêu cầu anh Hà Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Tăng Thị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và chị không phải chịu lãi suất chậm trả. Quá trình chung sống vợ chồng không có tài sản chung cũng không vay nợ ai. Do bận công việc chị Tăng Thị Q có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình giải quyết vắng mặt chị.

Bị đơn anh Hà Văn S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Về điều kiện kết hôn và quá trình chung sống, mâu thuẫn đúng như chị Tăng Thị Q đã trình bày. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết anh Hà Văn S không đồng ý ly hôn và muốn đoàn tụ. Tại phiên tòa anh Hà Văn S xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đã đồng ý ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016. Khi ly hôn anh Hà Văn S yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Hà Phúc L cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn S yêu cầu chị Tăng Thị Q cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và anh không yêu cầu chị Tăng Thị Q phải chịu lãi suất chậm trả. Về tài sản chung và nợ chung: Không có. Anh Hà Văn S hiện vẫn đang sống với con trai và bố mẹ đẻ tại Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại bản tự khai ngày 28/6/2023, cháu Hà Phúc L trình bày nếu bố mẹ ly hôn cháu mong muốn được tiếp tục sống với bố là anh Hà Văn S.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/6/2023, mẹ đẻ anh Hà Văn S là bà Bé Thị T trình bày: Về mâu thuẫn vợ chồng bà không thấy vợ chồng anh chị cãi, chửi gì nhau. Năm 2018 chị Tăng Thị Q đi làm công ty ở tỉnh Hải Dương thỉnh thoảng có về thăm chồng con. Năm 2019, 2020, 2021 dịch covid 19 nên chị không về thăm con thường xuyên, hết dịch khoảng 2 - 3 tháng chị Tăng Thị Q về thăm con ở 1 - 2 hôm mới đi, nhưng vợ chồng ít nói chuyện với nhau, bà cũng chỉ nghĩ vợ chồng các con giận nhau bình thường. Bà không biết

vợ chồng các con mâu thuẫn từ thời điểm nào. Tháng 9 năm 2022 khi anh Hà Văn S bị tai nạn giao thông, gia đình đã gọi cho chị Tàng Thị Q thì không liên lạc được nữa, cũng không biết thông tin để về chăm chồng. Bà có hỏi anh Hà Văn S về tình cảm vợ chồng của hai con như thế nào, tại sao chị Tàng Thị Q không nghe điện thoại nữa, anh Hà Văn S cũng không biết lý do tại sao. Bà Bế Thị T cũng không biết nguyên nhân vợ chồng các con mâu thuẫn, hai bên gia đình vẫn bình thường với nhau, bản thân bà cũng không có mâu thuẫn gì với chị Tàng Thị Q. Đến khi chị Tàng Thị Q làm đơn yêu cầu ly hôn với bà mới biết hai con có mâu thuẫn với nhau. Bà vẫn khuyên và mong hai con hàn gắn tình cảm, đoàn tụ về với nhau cùng nhau chăm sóc con chung. Trường hợp hai con không thể hàn gắn được nữa thì do các con tự quyết định. Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Hà Phúc L. Nếu các con buộc phải ly hôn, con chung giải quyết cho anh Hà Văn S được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi, chị Tàng Thị Q cấp dưỡng nuôi con. Bà sẽ có trách nhiệm hỗ trợ anh Hà Văn S chăm sóc cháu Hà Phúc L. Bà không thấy vợ chồng có tài sản chung và nợ chung gì. Do bận công việc làm ăn nên bà Bế Thị T đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 29/6/2023, mẹ đẻ chị Tàng Thị Q là bà Vi Thị M trình bày: Quá trình kết hôn, chung sống và mâu thuẫn vợ chồng đúng như chị Tàng Thị Q đã trình bày tại Tòa án. Theo bà Vi Thị M vợ chồng chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S không còn tình cảm, khó thể hàn gắn được. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2022 đến nay, từ khi vợ chồng sống ly thân không còn liên lạc gì với nhau. Bản thân bà vẫn mong muốn chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S hàn gắn tình cảm để cùng nhau chăm sóc con cái. Tuy nhiên nếu chị Tàng Thị Q cứ khăng khăng yêu cầu giải quyết ly hôn thì việc ly hôn hay đoàn tụ là do chị Tàng Thị Q quyết định. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung, hiện cháu đang sống với bố và ông bà nội. Chị Tàng Thị Q đi làm công nhân nên con để cho chồng chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục là hợp lý nhất và chị Tàng Thị Q sẽ cấp dưỡng nuôi con. Bà không thấy vợ chồng chị Tàng Thị Q, anh Hà Văn S có tài sản chung, nợ chung gì. Do bận công việc làm ăn nên bà Vi Thị M đề nghị Tòa án không triệu tập tham gia tố tụng tại Tòa án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn:

Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người làm chứng đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 78 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa chị Tàng Thị Q có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S tự nguyện kết hôn, có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 03/4/2018 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm sống, không quan tâm, yêu thương nhau. Từ tháng 8 năm 2022 đến nay thì vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không còn tiếng nói chung, đã sống ly thân, không còn yêu thương, quan tâm gì tới nhau cũng không có hành động gì hàn gắn tình cảm. Chị Tàng Thị Q xin ly hôn với anh Hà Văn S là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Tàng Thị Q được ly hôn với anh Hà Văn S. Về con chung: Chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S có 01 con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016 hiện đang sống với anh Hà Văn S và bố mẹ đẻ của anh Hà Văn S tại Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Chị Tàng Thị Q không yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung mà để cho anh Hà Văn S chăm sóc nuôi dưỡng con chung và chị Tàng Thị Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 1.000.000 đồng/tháng là phù hợp với ý kiến của anh Hà Văn S. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016 cho anh Hà Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi; chị Tàng Thị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/1 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng cho đến khi đủ 18 tuổi và không phải chịu lãi suất chậm trả. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn xác định không có tài sản chung, nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết. Về án phí: Giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa, hồ sơ thể hiện đã có lời khai và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, tranh chấp nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật phải giải quyết là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Hà Văn S cư trú tại Thôn K, xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn vào ngày 03/4/2018. Như vậy, quan hệ hôn nhân của chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S là hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Tháng 8 năm 2022 đến nay vợ chồng sống ly thân, không ai có hành động gì để hàn gắn

tình cảm. Hội đồng xét xử thấy tình trạng hôn nhân của anh chị đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị Tàng Thị Q là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S có 01 con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016. Quá trình giải quyết chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S đều thống nhất ý kiến đề nghị giao con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016 cho anh Hà Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Phúc L. Để đảm bảo sự phát triển đầy đủ về mọi mặt cho trẻ em, anh Hà Văn S có thu nhập, có chỗ ở ổn định và được bố mẹ đẻ của anh Hà Văn S giúp đỡ nuôi con nên giao cháu Hà Phúc L cho anh Hà Văn S nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh chị đã thống nhất thỏa thuận được mức cấp dưỡng và không có tranh chấp, do đó chị Tàng Thị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con định kỳ hàng tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hằng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và chị Tàng Thị Q không phải chịu lãi suất chậm trả do anh Hà Văn S không có yêu cầu. Chị Tàng Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Tàng Thị Q và anh Hà Văn S đều trình bày trong thời gian chung sống vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Tàng Thị Q là người dân tộc thiểu số (Tày) sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn nộp tiền án phí nên được miễn nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa

14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Tàng Thị Q được ly hôn với anh Hà Văn S. (*Giấy chứng nhận kết hôn số 08, đăng ký ngày 03/4/2018 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện L, tỉnh Lạng Sơn*).

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Hà Phúc L, sinh ngày 28/01/2016 cho anh Hà Văn S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi con đủ 18 tuổi. Chị Tàng Thị Q có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, cấp dưỡng trước ngày 30 hàng tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh Hà Văn S không yêu cầu chị Tàng Thị Q phải chịu lãi suất chậm trả.

Chị Tàng Thị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Tàng Thị Q thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Nguyên đơn chị Tàng Thị Q được miễn nộp toàn bộ tiền án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã S, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thúy Huyền

